

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2021

THÔNG CÁO BÁO CHÍ VỀ TÌNH HÌNH GIÁ THÁNG CHÍN, QUÝ III VÀ 9 THÁNG NĂM 2021

PHẦN I: TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ TIÊU DÙNG

Giá thuê nhà giảm trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội; học phí năm học 2021-2022 được miễn, giảm tại một số địa phương; giá thực phẩm giảm do nguồn cung bảo đảm; thực hiện Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 31/7/2021 của Chính phủ về phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện đợt 4 cho các khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 là các nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2021 giảm 0,62% so với tháng trước, tăng 1,88% so với tháng 12/2020. So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng Chín tăng 2,06%; CPI bình quân quý III/2021 tăng 2,51%.

Tính chung 9 tháng năm 2021, CPI tăng 1,82% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016⁽¹⁾. Lạm phát cơ bản 9 tháng tăng 0,88%.

I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 9/2021

So với tháng trước, CPI tháng 9/2021 giảm 0,62% (khu vực thành thị giảm 0,6%, khu vực nông thôn giảm 0,64%). Tháng Chín, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính có 5 nhóm giảm giá so với tháng trước, 6 nhóm tăng giá.

Trong 5 nhóm hàng giảm giá:

Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 9/2021 giảm 1,99% (làm CPI chung giảm 0,37 điểm phần trăm), chủ yếu do giá tiền thuê nhà giảm để hỗ trợ người dân trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội. Cùng với đó, giá điện giảm tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg và thời tiết sang thu nên nhu cầu tiêu dùng điện, nước sinh hoạt giảm so với tháng trước.

Nhóm giáo dục tháng 9/2021 giảm 2,89% so với tháng trước (làm CPI chung giảm 0,18 điểm phần trăm) do một số địa phương thực hiện miễn, giảm học phí năm học 2021-2022⁽²⁾.

Nhóm giao thông giảm 0,16% so với tháng trước do nhóm nhiên liệu giảm, mặc dù giá xăng dầu được điều chỉnh tăng vào ngày 10/9/2021 và ngày 25/9/2021 nhưng do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giảm ngày 26/8/2021 nên bình quân chung tháng 9/2021 giá xăng dầu giảm.

⁽¹⁾ Tốc độ tăng CPI bình quân 9 tháng so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2021 lần lượt là: tăng 2,07%; tăng 3,79%; tăng 3,57%; tăng 2,5%; tăng 3,85%; tăng 1,82%.

⁽²⁾ Tốc độ giảm chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục tháng Chín so với tháng trước của một số địa phương: An Giang giảm 56,03%; Quảng Ninh giảm 17,49%; Đồng Nai giảm 7,29%; Hà Nội giảm 3,62%; Đà Nẵng giảm 2,82%.

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,16% do nguồn cung dồi dào khiến giá gạo và thịt lợn lần lượt giảm 0,17% và 2,52%.

Nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,06%, tập trung giảm ở giá điện thoại di động và máy tính bảng.

Trong 6 nhóm hàng tăng giá:

Nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 9/2021 có mức tăng so với tháng trước cao nhất với 0,17%, chủ yếu do giá thuốc lá tăng khi chi phí vận chuyển tăng và nguồn cung hạn chế⁽³⁾.

Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,09% do nhu cầu sử dụng các thiết bị tủ lạnh; máy vi tính và phụ kiện; máy in, máy chiếu, máy quét tăng cao trong giai đoạn giãn cách xã hội (lần lượt tăng 0,3%; tăng 0,29% và tăng 0,46%).

Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng nhẹ 0,03%, trong đó giá thuốc các loại tăng 0,11%.

Các nhóm hàng khác có mức giá tháng Chín tăng không đáng kể so với tháng trước: Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,02%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,01% chủ yếu do giá hoa, cây cảnh tăng; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,02%.

Diễn biến giá tiêu dùng tháng 9/2021 so với tháng trước của một số nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,16%)

1.1. Lương thực (+0,12%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 9/2021 tăng 0,12% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm bột mỳ và ngũ cốc khác tăng 2,39% do trong tháng có Tết Trung thu, nhu cầu về bột mỳ, ngô, khoai, sắn tăng cao.

Bên cạnh đó, chỉ số giá lương thực chế biến như bún, phở, bánh đa, mỳ ăn liền, bánh mỳ cũng tăng 0,52% so với tháng trước.

Ở chiều ngược lại, chỉ số giá gạo tháng 9/2021 giảm 0,17% so với tháng trước do nguồn cung dồi dào khi các địa phương đang tập trung thu hoạch vụ hè thu, trong khi dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng nhiều đến việc tiêu thụ lúa gạo.

Thêm vào đó, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam đang giảm do nhu cầu nhập khẩu của các nước giảm, chi phí vận chuyển cao, dịch Covid-19 bùng phát làm hạn chế khả năng giao hàng của doanh nghiệp.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 11.500-12.000 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 17.500-19.000 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 17.900-19.500 đồng/kg; giá gạo nếp từ 24.700-34.500 đồng/kg.

1.2. Thực phẩm (-0,3%)

Sau 2 tháng liên tiếp giá thực phẩm tăng cao tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc giãn cách xã hội, bình quân tháng 9/2021 giá thực phẩm giảm 0,3% so với tháng trước do nguồn cung thực phẩm được bảo đảm nên người dân không còn tâm lý mua gom tích trữ, cụ thể giá giảm ở một số mặt hàng sau:

⁽³⁾ Chỉ số sản xuất sản phẩm thuốc lá điều tháng 9/2021 ước tính giảm 12,7% so với tháng 9/2020, 9 tháng năm 2021 giảm 3,1% so với cùng kỳ năm trước.

- Giá thịt lợn giảm 2,52% so với tháng trước, làm CPI chung giảm 0,09 điểm phần trăm. Giá thịt lợn giảm do dịch tả lợn châu Phi ở các địa phương được kiểm soát tốt, nguồn cung thịt lợn tăng⁽⁴⁾. Theo đó, giá thịt quay, giò, chả tháng Chín giảm 0,59% so với tháng trước; mỡ động vật giảm 3%.

- Giá thịt gia cầm tươi sống giảm 0,28% so với tháng trước, trong đó giá thịt gà giảm 0,37%; giá thịt gia cầm khác giảm 0,12%.

- Giá trứng các loại giảm 1,13% so với tháng trước do nhu cầu tích trữ của hộ gia đình giảm.

Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng thực phẩm có giá tăng so với tháng trước:

- Giá thủy sản tươi sống tăng 0,03% so với tháng trước do chi phí vận chuyển, bảo quản và nhu cầu tiêu dùng, tích trữ tăng, trong đó giá cá tươi hoặc ướp lạnh tăng 0,21%; thủy hải sản tươi sống khác tăng 0,07%.

- Giá rau tươi, khô và chế biến tăng 0,36% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng tăng trong bối cảnh dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp. Giá tăng cao nhất ở rau bắp cải với 1,88%; su hào tăng 1,24%; rau muống tăng 0,77%; rau dền củ quả tăng 0,64%; rau gia vị tươi hoặc khô các loại tăng 0,54%; rau tươi khác tăng 0,36%...

- Giá quả tươi và chế biến tăng 0,41% so với tháng trước do trong tháng có Tết Trung thu, trong đó giá xoài tháng 9/2021 tăng 1,88% so với tháng trước; táo tăng 1,48%; chuối tăng 0,88%; riêng quả có múi giảm 1,3%.

- Giá đồ gia vị tăng 0,23% so với tháng trước; bơ, sữa phô mai tăng 0,17%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,18%; chè, cà phê, cacao tăng 0,07% do nhu cầu tiêu dùng tăng.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,04%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 9/2021 tăng 0,04% so với tháng trước, trong đó giá ăn ngoài gia đình tăng 0,05%; uống ngoài gia đình tăng 0,01%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,02% do dịch bệnh diễn biến phức tạp nên chi phí vận chuyển tăng.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,17%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 9/2021 tăng 0,17% so với tháng trước chủ yếu do giá thuốc lá tăng 0,48% khi chi phí vận chuyển tăng và nguồn cung giảm. Giá nước tăng lực đóng chai, lon, hộp tăng 0,13%; nước giải khát có ga tăng 0,09%; nước khoáng tăng 0,05% do chi phí vận chuyển tăng.

3. Nhà ở và vật liệu xây dựng (-1,99%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 9/2021 giảm 1,99% so với tháng trước. Diễn biến giá một số mặt hàng trong nhóm như sau:

- Tiền thuê nhà giảm 1,99% so với tháng trước (làm CPI chung giảm 0,21 điểm phần trăm) chủ yếu do nhiều hộ gia đình giảm giá để chia sẻ khó khăn với người dân, đồng thời khuyến khích cho thuê lâu dài trong tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp.

⁽⁴⁾ Tổng số lợn của cả nước tính đến thời điểm cuối tháng 9/2021 tăng 3,8% so với cùng thời điểm năm 2020; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 9 tháng ước tính đạt 3.060,9 nghìn tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước.

- Giá điện sinh hoạt giảm 4,96% so với tháng trước⁽⁵⁾ (làm CPI chung giảm 0,16 điểm phần trăm) chủ yếu giảm ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã, đang thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ được hỗ trợ giảm giá điện theo Công văn số 4748/BCT-ĐTĐL ngày 06/8/2021 của Bộ Công Thương về hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 đợt 4. Thêm vào đó, thời tiết chuyển sang thu nên nhu cầu tiêu dùng điện của người dân cũng giảm so với tháng trước.

- Giá nước sinh hoạt giảm tập trung ở các địa phương thực hiện điều chỉnh giảm giá nước sinh hoạt hỗ trợ cho người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19⁽⁶⁾; bên cạnh đó thời tiết mát mẻ, nhu cầu tiêu dùng nước sinh hoạt của dân cư giảm nên chỉ số giá nước sinh hoạt tháng Chín giảm 1,66% so với tháng trước.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở chính giảm 0,02% so với tháng trước do dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhu cầu vật liệu xây dựng và dịch vụ sửa chữa nhà ở giảm.

Ở chiều ngược lại một số mặt hàng tăng giá như sau:

- Giá gas tăng 0,59% so với tháng trước do từ ngày 01/9/2021, giá gas trong nước điều chỉnh tăng 3.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới tăng 7,5 USD/tấn (từ mức 657,5 USD/tấn lên mức 665 USD/tấn).

- Giá dầu hỏa tăng 0,13% so với tháng 8/2021 do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giá giảm vào ngày 26/8/2021, điều chỉnh giá tăng vào ngày 10/9/2021 và ngày 25/9/2021.

4. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,09%)

Trong bối cảnh dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, nhiều trường học thực hiện khai giảng năm học mới 2021-2022 dưới hình thức trực tuyến, nhu cầu sử dụng các thiết bị phục vụ học tập tăng cao làm chỉ số giá máy in, máy chiếu, máy quét tăng 0,46% so với tháng trước; máy vi tính và phụ kiện tăng 0,29%. Qua thời gian khuyến mãi trong tháng Bảy âm lịch, giá một số mặt hàng điện tử, điện lạnh quay trở lại mức giá cũ làm chỉ số giá tủ lạnh tăng 0,3% so với tháng trước; bình nước nóng nhà tắm tăng 0,09%; máy điều hòa nhiệt độ tăng 0,06%.

Thêm vào đó, nhu cầu sử dụng các loại vật phẩm tiêu dùng gia đình tăng làm cho giá xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,13% so với tháng trước; thuốc diệt côn trùng tăng 0,13%.

5. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,03%)

Chỉ số giá thuốc và dịch vụ y tế tháng Chín tăng nhẹ 0,03% so với tháng trước, chủ yếu do dịch Covid-19 diễn biến nhanh và phức tạp, các địa phương đẩy nhanh tốc độ tiêm vắc-xin phòng chống dịch nên nhu cầu mua các loại thuốc, dụng cụ y tế tăng, trong đó giá thuốc giảm đau, hạ sốt tăng 0,24%; thuốc vitamin và khoáng chất tăng 0,23%; thuốc chống dị ứng tăng 0,17%; dụng cụ y tế tăng 0,09%.

⁽⁵⁾ Chỉ số giá điện sinh hoạt tháng 9/2021 được tính dựa trên doanh thu và sản lượng điện tiêu dùng từ ngày 01-31/8/2021, do đó phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác.

⁽⁶⁾ Tốc độ giảm chỉ số giá nhóm nước sinh hoạt tháng Chín so với tháng trước của một số địa phương: Trà Vinh giảm 10,93%; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 10%; Bến Tre giảm 5%; thành phố Hồ Chí Minh giảm 3,3%...

6. Giao thông (-0,16%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 9/2021 giảm 0,16% so với tháng trước, chủ yếu do giá nhiên liệu bình quân giảm. Giá xăng dầu điều chỉnh tăng vào ngày 10/9/2021 và ngày 25/9/2021, tổng cộng giá xăng A95 tăng 810 đồng/lít, xăng E5 tăng 820 đồng/lít, dầu diesel tăng 920 đồng/lít, nhưng do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giảm vào ngày 26/8/2021 nên bình quân chung giá xăng dầu tháng 9/2021 giảm so với tháng trước. Theo đó, giá xăng giảm 0,38% so với tháng trước, giá dầu diesel giảm 0,39%.

Giá ô tô đã qua sử dụng giảm 0,74% so với tháng trước do các đại lý kinh doanh gặp khó khăn về tài chính nên giảm giá nhiều loại xe.

7. Giáo dục (-2,89%)

Chỉ số giá giáo dục tháng 9/2021 giảm 2,89% so với tháng trước, tác động làm CPI chung giảm 0,18 điểm phần trăm. Nguyên nhân chủ yếu do các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện miễn, giảm học phí năm học mới 2021-2022 trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp làm cho chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục giảm 3,35%.

Ở chiều ngược lại, chuẩn bị vào năm học mới nên nhu cầu mua sắm sách vở và các dụng cụ học tập tăng, giá sách giáo khoa tăng 0,43% so với tháng trước, giá bút viết các loại tăng 0,73%, văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng 0,37%.

8. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,01%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 9/2021 tăng 0,01% so với tháng trước, chủ yếu do giá hoa, cây cảnh tăng 0,92%; sách, báo, tạp chí tăng 0,06%.

Ở chiều ngược lại, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương khiến du lịch bị hạn chế làm cho giá dịch vụ du lịch trọn gói tháng 9/2021 giảm 0,06% so với tháng trước; khách sạn, nhà khách giảm 0,17%. Bên cạnh đó, giá thiết bị văn hóa như ti vi màu giảm 0,05% so với tháng trước; đầu DVD giảm 0,15%.

9. Chỉ số giá vàng (0%)

Giá vàng thế giới tăng do đồng USD suy yếu cùng với việc thị trường chứng khoán, tài chính rối loạn trong bối cảnh Evergate, tập đoàn bất động sản lớn nhất Trung Quốc đứng trước nguy cơ vỡ nợ đã thúc đẩy các nhà đầu tư tìm đến tài sản an toàn như vàng. Tính đến ngày 26/9/2021, bình quân giá vàng thế giới ở mức 1.790,93 USD/ounce, tăng 0,14% so với tháng 8/2021.

Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 9/2021 ổn định so với tháng trước; giảm 1,64% so với tháng 12/2020 và giảm 2,7% so với cùng kỳ năm 2020; bình quân 9 tháng năm 2021 tăng 11,83%.

10. Chỉ số giá đô la Mỹ (-0,48%)

Đồng đô la Mỹ trên thị trường thế giới giảm sau khi Bộ Lao động Mỹ thông báo số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu trong tháng Tám tăng, thêm vào đó các nước bắt đầu siết chặt chính sách tiền tệ làm cho nội tệ tăng giá đẩy USD giảm. Tính đến ngày 26/9/2021, chỉ số đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 92,73 điểm, giảm 0,08 điểm so với tháng trước.

Trong nước, lượng dự trữ ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bảo đảm đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp nhập khẩu, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 22.928 VND/USD. Trong điều kiện giãn cách xã hội kéo dài, nhu cầu mua bán ngoại tệ hạn chế, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9/2021 giảm 0,48% so với tháng trước; giảm 1,14% so với tháng 12/2020 và giảm 1,35% so với cùng kỳ năm 2020; bình quân 9 tháng năm 2021 giảm 0,88%.

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 9/2021 tăng 2,06%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 8 nhóm tăng giá và 3 nhóm giảm giá.

Nhóm giao thông tăng cao nhất 13,58% so với tháng 9/2020, chủ yếu do từ tháng 10/2020 đến nay giá xăng A95 tăng 6.960 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 6.500 đồng/lít và giá dầu diezen tăng 5.460 đồng/lít.

Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,04% chủ yếu do chi phí vận chuyển tăng và nguồn cung hạn chế. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,63% do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước theo giá nguyên vật liệu đầu vào.

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,3% do giá gạo tăng 4,74% so với cùng kỳ năm trước, giá thực phẩm tăng 0,4%.

Ở chiều ngược lại, có 3 nhóm hàng giảm giá như sau:

Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,89% do giá phụ kiện điện thoại thông minh giảm.

Nhóm giáo dục giảm 1,09% do trong tháng 9/2021, một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương miễn giảm học phí năm học 2021-2022.

Nhóm văn hóa, giải trí, du lịch giảm 0,71% do giá du lịch trọn gói và giá khách sạn, nhà khách giảm khi chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19.

So với tháng 12/2020, CPI tháng Chín tăng 1,88%, trong đó có 8 nhóm hàng tăng giá và 3 nhóm hàng giảm giá (Nhóm giáo dục; nhóm bưu chính, viễn thông và nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm lần lượt 2,42%; 0,69% và 0,37%).

Trong các nhóm tăng giá:

- Nhóm giao thông tháng 9/2021 tăng cao nhất với 11,47% do giá xăng, dầu trong nước từ đầu năm đến nay đã điều chỉnh 16 đợt làm cho giá xăng A95 tăng 5.470 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 5.200 đồng/lít và giá dầu diezen tăng 4.210 đồng/lít.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,8% chủ yếu do nhu cầu lương thực, thực phẩm tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán và trong tháng 7, tháng 8/2021 do tác động của dịch Covid-19.

- Nhóm đồ uống, thuốc lá tăng 1,76% do nhu cầu tiêu dùng tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán, trong những tháng hè có thời tiết nắng nóng kéo dài và nguồn cung thuốc lá giảm.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG QUÝ III NĂM 2021

CPI bình quân quý III/2021 tăng 2,51% so với cùng kỳ năm 2020.

1. Một số nguyên nhân làm tăng CPI trong quý III năm 2021

- Giá xăng dầu trong nước bình quân quý III/2021 tăng 41,98% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,51 điểm phần trăm; giá dầu hỏa tăng 51,24% so với cùng kỳ năm 2020.

- Giá gas trong nước biến động theo giá gas thế giới, giá gas quý III/2021 tăng 32,79% so với cùng kỳ năm trước làm CPI chung tăng 0,48 điểm phần trăm.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở quý III/2021 tăng 8,88% so với cùng kỳ năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, góp phần làm CPI chung tăng 0,18 điểm phần trăm.

- Giá nhóm lương thực quý III/2021 tăng 4,92% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá gạo tăng 5,47% làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm.

- Giá dịch vụ giáo dục quý III/2021 tăng 2,36% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học mới 2020-2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, tác động làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm.

2. Một số nguyên nhân làm giảm CPI trong quý III năm 2021

Bên cạnh các nguyên nhân làm tăng CPI, có một số nguyên nhân làm giảm CPI quý III/2021 so với cùng kỳ năm trước như sau:

- Giá các mặt hàng thực phẩm quý III/2021 giảm 0,09% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI giảm 0,02 điểm phần trăm, trong đó giá thịt lợn và mỡ ăn lần lượt giảm 13,07% và 24,66% do nguồn cung dồi dào.

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhu cầu đi lại, du lịch của người dân giảm so với cùng kỳ năm trước làm cho giá vé máy bay quý III/2021 giảm 28,1%; giá du lịch trọn gói giảm 2,37%.

III. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 9 THÁNG NĂM 2021

CPI bình quân 9 tháng năm 2021 tăng 1,82% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng bình quân 9 tháng thấp nhất kể từ năm 2016.

1. Một số nguyên nhân làm tăng CPI trong 9 tháng năm 2021

- Trong 9 tháng năm nay, giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh 16 đợt làm cho giá xăng A95 tăng 5.470 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 5.200 đồng/lít và giá dầu diezen tăng 4.210 đồng/lít. So với cùng kỳ năm trước, giá xăng dầu trong nước bình quân 9 tháng tăng 24,8%, làm CPI chung tăng 0,89 điểm phần trăm.

- Giá gas trong nước biến động theo giá gas thế giới. Trong 9 tháng năm 2021, giá bán lẻ gas trong nước được điều chỉnh tăng 7 đợt và giảm 2 đợt, bình quân 9 tháng giá gas tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước, góp phần làm CPI chung tăng 0,32 điểm phần trăm.

- Giá dịch vụ giáo dục 9 tháng tăng 3,76% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 0,2 điểm phần trăm) do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học mới 2020-2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

- Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng gạo nếp và gạo tẻ ngon tăng trong dịp Tết Nguyên đán và nhu cầu tích lũy của người dân trong thời gian giãn cách xã hội làm cho giá gạo 9 tháng năm 2021 tăng 6,47% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 0,16 điểm phần trăm).

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở 9 tháng năm nay tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, góp phần làm CPI chung tăng 0,13 điểm phần trăm.

2. Một số nguyên nhân làm giảm CPI trong 9 tháng năm 2021

Bên cạnh các nguyên nhân làm tăng CPI, có một số nguyên nhân làm giảm CPI 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước như sau:

- Giá các mặt hàng thực phẩm 9 tháng giảm 0,29% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI giảm 0,06 điểm phần trăm, trong đó giá thịt lợn giảm 7,22%; giá thịt gà giảm 0,98%.
- Chính phủ triển khai các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch Covid-19, trong đó gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng trong quý II (bắt đầu giảm từ tháng 5/2020), quý IV năm 2020 (được thực hiện vào tháng 1/2021) và giảm giá điện, tiền điện cho người dân tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg tại kỳ hóa đơn tháng 8, tháng 9/2021. Do đó, giá điện sinh hoạt bình quân 9 tháng năm 2021 giảm 0,99% so với cùng kỳ năm 2020, tác động làm CPI chung giảm 0,03 điểm phần trăm.
- Ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến người dân hạn chế đi lại, theo đó giá vé máy bay 9 tháng giảm 20,91% so với cùng kỳ năm trước; giá du lịch trọn gói giảm 2,69%.
- Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, dưới sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, các ngành các cấp đã tích cực triển khai thực hiện các giải pháp đồng bộ để ngăn chặn dịch bệnh và ổn định giá cả thị trường.

IV. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản⁽⁷⁾ tháng 9/2021 giảm 0,26% so với tháng trước, tăng 0,74% so với cùng kỳ năm trước.

Bình quân 9 tháng năm 2021, lạm phát cơ bản tăng 0,88% so với cùng kỳ năm 2020, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 1,82%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, giá xăng, dầu và giá gas tăng. Mức lạm phát cơ bản tháng Chín và 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước đều là mức thấp nhất kể từ năm 2011.

PHẦN II: CHỈ SỐ GIÁ SẢN XUẤT, CHỈ SỐ GIÁ NGUYÊN NHIÊN VẬT LIỆU DÙNG CHO SẢN XUẤT, CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU QUÝ III VÀ 9 THÁNG NĂM 2021

Kinh tế thế giới 9 tháng năm 2021 dần hồi phục khi các quốc gia đẩy mạnh chương trình tiêm chủng vắc - xin phòng chống dịch Covid-19 nhằm đạt miễn dịch cộng đồng, đồng thời triển khai các gói kích thích tăng trưởng kinh tế và các biện pháp nới lỏng chính sách tiền tệ, tài khóa. Ở trong nước, sự bùng phát dịch Covid-19 cùng với các đợt giãn cách xã hội từ đầu năm đến nay khiến hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng nặng nề. Trong bối cảnh đó, chỉ số giá sản xuất, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất, chỉ số giá xuất khẩu và nhập khẩu 9 tháng năm 2021 đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Tỷ giá thương mại hàng hóa 9 tháng năm 2021 giảm 3,75% so với cùng kỳ năm 2020, phản ánh giá xuất khẩu hàng hóa của Việt

⁽⁷⁾ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.

Nam ra nước ngoài không thuận lợi so với giá nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam.

I. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản quý III/2021 giảm 2,28% so với quý II/2021 và tăng 0,05% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,82% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp tăng 3,52%; lâm nghiệp tăng 0,46%; thủy sản tăng 0,94%.

1. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp quý III/2021 giảm 2,45% so với quý trước và giảm 0,57% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó sản phẩm từ cây hàng năm giảm 0,62% và tăng 2,85%; sản phẩm từ cây lâu năm giảm 1,36% và tăng 5,91%; sản phẩm từ chăn nuôi giảm 6,66% và giảm 10,66%; dịch vụ nông nghiệp tăng 0,3% và tăng 1,25%. Tính chung 9 tháng năm 2021, chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp tăng 3,52% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

Chỉ số giá sản phẩm từ cây hàng năm 9 tháng tăng 4,9% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên nhu cầu dự trữ gạo trong nước và nhu cầu nhập khẩu gạo của các nước tăng làm giá thóc tăng 6,4%. Giá sản phẩm ngô và cây lương thực có hạt khác tăng 5,13% do nhu cầu sử dụng làm thức ăn chăn nuôi tăng, trong khi nguồn cung trong và ngoài nước giảm do hết vụ thu hoạch. Bên cạnh đó, giá sản phẩm rau, đậu, hoa, cây cảnh 9 tháng tăng 0,58% so với cùng kỳ năm trước; giá sản phẩm mía tăng 7,25%; củ có chất bột tăng 5,74%.

Chỉ số giá sản phẩm từ cây lâu năm 9 tháng tăng 6,66% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá hồ tiêu tăng cao 43,48% theo giá thế giới do nhu cầu nhập khẩu hồ tiêu của các nước tăng, trong khi nguồn cung hồ tiêu trong nước hạn chế do giá hồ tiêu giảm thấp trong ba năm gần đây⁽⁸⁾ làm nhiều hộ chặt bỏ cây hồ tiêu chuyển đổi sang cây trồng khác. Giá sản phẩm cao su tăng mạnh 17,92% do nhu cầu nhập khẩu cao su làm nguyên liệu đầu vào cho các ngành sản xuất tại Liên minh châu Âu (EU), Trung Quốc, Mỹ và Ấn Độ tăng cao.

Chỉ số giá sản phẩm từ chăn nuôi 9 tháng năm 2021 giảm 0,59% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá sản phẩm chăn nuôi lợn 9 tháng giảm 0,62% do dịch tả lợn châu Phi được kiểm soát tốt, nguồn cung lợn hơi tăng⁽⁹⁾, đồng thời nhiều địa phương thực hiện giãn cách xã hội khiến nhu cầu tiêu dùng giảm, trong khi vận chuyển hàng hóa khó khăn và giá thức ăn chăn nuôi tăng cao làm cho các hộ chăn nuôi phải bán sớm cắt lỗ. Giá sản phẩm chăn nuôi gia cầm 9 tháng giảm 2,27% so với cùng kỳ năm trước do nguồn cung dồi dào⁽¹⁰⁾, trong đó giá gà giảm 2,93%; vịt, ngan, ngỗng giảm 0,27%.

⁽⁸⁾ Giá hồ tiêu các năm 2018-2020 so với năm trước: Năm 2018 giảm 40,6%; năm 2019 giảm 22,39%; năm 2020 giảm 4,29%.

⁽⁹⁾ Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 9 tháng năm 2021 ước tính đạt 3.060,9 nghìn tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2020.

⁽¹⁰⁾ Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng 9 tháng năm 2021 ước tính đạt 1402,7 nghìn tấn, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm lâm nghiệp

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm lâm nghiệp quý III/2021 tăng 0,07% so với quý trước và tăng 0,77% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá sản xuất sản phẩm trồng rừng và chăm sóc rừng tăng 0,13% và tăng 0,58%; khai thác gỗ và lâm sản khác giảm 0,08% và tăng 0,72%; lâm sản thu nhặt giảm 1,09% và tăng 3,31%; dịch vụ lâm nghiệp tăng 3,02% và tăng 0,73%.

Tính chung 9 tháng năm 2021, chỉ số giá sản xuất sản phẩm lâm nghiệp tăng 0,46% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó chỉ số giá sản xuất sản phẩm trồng rừng và chăm sóc rừng tăng 0,35%; khai thác gỗ và lâm sản khác tăng 0,42%; lâm sản thu nhặt tăng 4,16%; riêng chỉ số giá dịch vụ lâm nghiệp giảm 0,43%. Chỉ số giá sản xuất lâm nghiệp tăng chủ yếu do đang vào vụ trồng rừng tập trung nhất trong năm tại các tỉnh Lai Châu, Yên Bái nên giá cây giống tăng. Bên cạnh đó, nhu cầu gỗ xây dựng, gỗ cho sản xuất và xuất khẩu tăng, trong khi vận chuyển gỗ nguyên liệu gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến giá gỗ tăng tại các tỉnh Lai Châu, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam.

3. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm thủy sản

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm thủy sản quý III/2021 giảm 2,02% so với quý trước và tăng 1,88% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá nhóm thủy sản khai thác giảm 1,08% và tăng 1,8%; giá nhóm thủy sản nuôi trồng giảm 2,58% và tăng 1,93%. Tính chung 9 tháng năm 2021, chỉ số giá sản xuất sản phẩm thủy sản tăng 0,94% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá nhóm thủy sản khai thác tăng 1,41%; giá nhóm thủy sản nuôi trồng tăng 0,66%.

Trong nhóm thủy sản nuôi trồng, chỉ số giá sản phẩm tôm nuôi nước lợ 9 tháng tăng 3,49% so với cùng kỳ năm trước do giá thức ăn chăn nuôi, giá thuốc thủy sản, chi phí xử lý môi trường nước nuôi tôm hạn chế nguy cơ dịch bệnh tăng, đồng thời nhu cầu nhập khẩu tôm của các nước cũng tăng cao. Trong nhóm thủy sản khai thác, chỉ số giá sản phẩm thủy sản khai thác biển 9 tháng năm 2021 tăng 1,62% so với cùng kỳ năm trước do chi phí nguyên vật liệu đầu vào phục vụ khai thác biển như giá xăng dầu, chi phí thuê nhân công tăng.

II. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp quý III/2021 tăng 1,12% so với quý trước và tăng 3,71% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm nay, chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp tăng 2,44% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng tăng 12,7%; sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,18%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 1,32%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,62%.

1. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng quý III/2021 tăng 3,33% so với quý trước và tăng 18,35% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2021, chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá dầu thô và khí đốt tự nhiên bình quân 9 tháng tăng 26,16% so với cùng kỳ

năm trước do giá dầu thế giới tăng cao khi hoạt động sản xuất tại các quốc gia đang dần phục hồi và OPEC+ tiếp tục duy trì khai thác sản lượng dầu dưới mức nhu cầu sử dụng của thị trường thế giới; chỉ số giá nhóm quặng kim loại và tinh quặng kim loại 9 tháng tăng 7,67% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của giá thế giới.

2. Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo quý III/2021 tăng 0,95% so với quý trước và tăng 3,26% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2021, chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,18% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do: Chỉ số giá than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 32,54% do chi phí đầu vào sản xuất tăng; nhu cầu sử dụng nhiên liệu, xăng dầu trên thế giới tăng mạnh khi các nước kiểm soát được dịch Covid-19 đã tác động đến giá nhiên liệu, xăng dầu trong nước. Chỉ số giá sản phẩm kim loại tăng 15,77%, nguyên nhân do giá sản phẩm sắt, thép tăng từ đầu năm 2021 theo giá thế giới; nguồn cung sắt, thép toàn cầu giảm do Trung Quốc giảm sản lượng sản xuất. Chỉ số giá thực phẩm chế biến tăng 3,39% do chi phí đầu vào sản xuất các loại thực phẩm chế biến tăng như giá nguyên liệu ngũ cốc, giá thức ăn chăn nuôi và chi phí vận chuyển nguyên nhiên vật liệu đầu vào sản xuất các loại thực phẩm chế biến tăng do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Chỉ số giá hóa chất tăng 3,3% do giá nguyên vật liệu đầu vào, chi phí vận chuyển tăng trong khi nguồn cung giảm. Bên cạnh đó, một số tỉnh vào mùa mưa nên nhu cầu phân bón, thuốc trừ sâu tăng cao như Lâm Đồng, Vĩnh Long, Đồng Nai, Cà Mau.

3. Chỉ số giá sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí

Trong quý III/2021, nắng nóng gay gắt trên phạm vi cả nước, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) huy động tối đa nguồn cung từ các nhà máy nhiệt điện, mặt khác giá than nhập khẩu phục vụ sản xuất điện tăng đã làm cho giá điện sản xuất của các nhà máy nhiệt điện tăng. Chỉ số giá sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí quý III/2021 tăng 2,06% so với quý trước và tăng 2,93% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng, chỉ số giá sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 1,32% so với cùng kỳ năm trước.

4. Chỉ số giá sản xuất cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải

Chỉ số giá sản xuất cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải quý III/2021 tăng 0,52% so với quý trước và tăng 1,77% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2021, chỉ số giá sản xuất cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,62% so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu do nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tăng cao trong mùa nắng nóng. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp thực hiện sản xuất 3 tại chỗ trong thời gian giãn cách xã hội nên nhu cầu sử dụng nước tăng.

III. Chỉ số giá sản xuất dịch vụ

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý III/2021 giảm 0,07% so với quý trước và tăng 0,46% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2021, chỉ số giá sản xuất dịch vụ tăng 0,68% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó dịch vụ vận tải, kho bãi giảm

0,46%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 0,76%; thông tin và truyền thông giảm 0,33%; giáo dục và đào tạo tăng 3,02%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 0,49%; nghệ thuật vui chơi, giải trí tăng 0,47%.

1. Chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi

Chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi quý III/2021 giảm 2,15% so với quý trước, trong đó giá dịch vụ vận tải hàng không giảm 14,58%. So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi quý III/2021 giảm 1,78%, trong đó nhóm dịch vụ vận tải đường hàng không giảm cao nhất 10,46% do nhu cầu đi lại của người dân giảm mạnh trong thời gian giãn cách xã hội. Ở chiều ngược lại, chỉ số giá dịch vụ vận tải đường thủy tăng 12,14% do từ quý IV/2020 xảy ra hiện tượng khan hiếm công-ten-nơ rỗng tại các cảng biển, thiếu tàu biển, trong khi nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy tăng cao đẩy giá vận tải đường thủy tăng so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 9 tháng năm 2021, chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi giảm 0,46% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ tăng nhẹ 0,13% (dịch vụ vận tải đường bộ và xe buýt tăng 0,32% theo giá xăng dầu và cước vận chuyển hàng hóa đường bộ tăng tại các tỉnh thực hiện giãn cách xã hội; dịch vụ vận tải đường sắt giảm 0,68%). Chỉ số giá dịch vụ vận tải đường thủy tăng 5,95%, trong đó giá dịch vụ vận tải đường ven biển và viễn dương tăng 7%. Nhiều cảng biển ở các nước, đặc biệt là châu Âu và châu Mỹ rơi vào tình trạng ứ đọng hàng hóa do thiếu nhân lực xử lý, hàng triệu công-ten-nơ bị ùn tắc tại cảng hoặc biên giới gây ra tình trạng thiếu công-ten-nơ rỗng để đóng hàng. Chỉ số giá dịch vụ vận tải đường hàng không giảm 2,89% so với cùng kỳ năm trước; chỉ số giá dịch vụ kho bãi và các dịch vụ liên quan đến hỗ trợ vận tải tăng 0,44%; dịch vụ bưu chính và chuyển phát tăng 0,6%.

2. Chỉ số giá dịch vụ lưu trú và ăn uống

Chỉ số giá dịch vụ lưu trú và ăn uống quý III/2021 tăng 0,05% so với quý trước, tăng 0,98% so với cùng kỳ năm trước, trong đó dịch vụ lưu trú giảm 0,45% và giảm 4,36%; dịch vụ ăn uống tăng 0,13% và tăng 1,89%. Tính chung 9 tháng, chỉ số giá dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 0,76% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chỉ số giá dịch vụ lưu trú giảm 5,76% so với cùng kỳ năm trước do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều địa phương áp dụng Chỉ thị số 16/CT-TTg, đặc biệt là các tỉnh phía Nam, dẫn tới tình trạng khách du lịch hoãn, hủy tour, hủy phòng tại các cơ sở lưu trú, do đó các cơ sở kinh doanh giảm giá để thu hút khách. Bên cạnh đó, các cơ sở lưu trú còn giảm giá dịch vụ để chia sẻ, đồng hành với người dân, đội ngũ các chuyên gia, người lao động trong phòng, chống dịch Covid-19. Chỉ số giá dịch vụ ăn uống tăng 1,89% do thực hiện giãn cách xã hội, các hàng quán đóng cửa nhiều để phòng chống dịch Covid-19, việc buôn bán gặp nhiều khó khăn nên người bán chủ động tăng giá đối với các đồ ăn, uống mua mang về làm giá dịch vụ ăn uống tăng.

3. Chỉ số giá dịch vụ y tế và trợ giúp xã hội

Chỉ số giá dịch vụ y tế và trợ giúp xã hội quý III/2021 tăng 0,44% so với quý trước và tăng 0,81% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2021, chỉ số giá dịch vụ y tế và trợ giúp xã hội tăng 0,49% so với cùng kỳ năm trước do thực hiện

lộ trình tăng giá các dịch vụ trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.

4. Chỉ số giá dịch vụ giáo dục và đào tạo

Chỉ số giá dịch vụ giáo dục và đào tạo quý III/2021 tăng 0,07% so với quý trước do các cơ sở giáo dục ngoài công lập ở một số địa phương tăng học phí đào tạo tiếng Anh và lệ phí thi chứng chỉ Toeic. So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá giáo dục và đào tạo quý III/2021 tăng 2,58%, tính chung 9 tháng tăng 3,02%, chủ yếu do thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng học phí các cấp trong năm học 2020-2021.

IV. Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất

Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất quý III/2021 tăng 1,36% so với quý trước và tăng 5,36% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,27% và tăng 6,3%; dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,27% và tăng 5,6%; dùng cho xây dựng tăng 2,4% và tăng 5,35%.

Tính chung 9 tháng năm 2021, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất tăng 4,87% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 6,66%; dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,18%; dùng cho xây dựng tăng 3,59%. Sản phẩm nguyên liệu chế biến từ dầu mỏ tăng 19,26%; sản phẩm chế biến lương thực tăng 9,93%; sản phẩm trồng rừng và chăm sóc rừng tăng 6,18%; sản phẩm lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 5,48%. Trong nhóm nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo, sản phẩm nguyên liệu chế biến từ dầu mỏ 9 tháng tăng 21,22% so với cùng kỳ năm trước; thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản tăng 12,92%; sản phẩm gang, sắt, thép tăng 10,99%; sản phẩm linh kiện điện tử tăng 9,97%; sản phẩm cây lâu năm tăng 6,36%; sản phẩm cá, mực biển, yến sào nguyên liệu tăng 6,71%; sản phẩm thủy sản khai thác tăng 4,93%. Trong nhóm nguyên nhiên vật liệu dùng cho xây dựng, sản phẩm nguyên liệu từ kim loại gang, sắt, thép 9 tháng tăng 12,22% so với cùng kỳ năm trước; sản phẩm chế biến từ dầu mỏ tăng 10,58%; sản phẩm đá, cát, sỏi, đất sét tăng 5,89%; sản phẩm dây và thiết bị dây dẫn tăng 5,82%; sản phẩm từ gỗ tăng 3,73%; dịch vụ hoàn thiện công trình xây dựng tăng 2,23%.

V. Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu, tỷ giá thương mại hàng hóa

1. Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa

Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa quý III/2021 tăng 1,1% so với quý trước và tăng 3,72% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 0,96% và tăng 5,69%; nhóm nhiên liệu tăng 7,74% và tăng 25,67%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo khác tăng 0,87% và tăng 2,68%. Tính chung 9 tháng năm 2021, chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa tăng 2,05% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 3,28%; nhóm nhiên liệu tăng 8,86%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo khác tăng 1,62%.

Trong 40 nhóm hàng xuất khẩu chính, 32 nhóm hàng có chỉ số giá 9 tháng tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Giá xuất khẩu sắt, thép tăng cao 24,37% (cùng kỳ năm 2020 giảm 5,6%); giá xuất khẩu xăng dầu các loại tăng 13,06% theo giá nhiên liệu thế giới; giá gạo xuất khẩu tăng 8,92%; giá xuất khẩu hàng may mặc tăng 8,64%; giá xuất khẩu phân bón tăng 12,68%. Ở chiều ngược lại, có 7 nhóm hàng có chỉ số giá xuất khẩu 9 tháng năm nay giảm so với cùng kỳ năm trước, trong đó điện thoại di động và linh kiện giảm 2,2%; sản phẩm từ cao su giảm 0,19%; máy ảnh, máy quay phim và linh kiện giảm 0,17%... Riêng nhóm hàng thủy tinh, sản phẩm từ thủy tinh có chỉ số giá xuất khẩu 9 tháng năm 2021 không biến động so với cùng kỳ năm trước.

2. Chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa

Chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa quý III/2021 tăng 4,17% so với quý trước và tăng 9,46% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 2,08% và tăng 6,24%; nhóm nhiên liệu tăng 2,01% và tăng 38,93%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo khác tăng 4,39% và tăng 8,38%. Tính chung 9 tháng năm 2021, chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa tăng 6,03% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm tăng 4,36%; nhóm nhiên liệu tăng 34,13%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo khác tăng 4,92%.

Trong 42 nhóm hàng nhập khẩu chính, 35 nhóm hàng có chỉ số giá 9 tháng tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Giá nhập khẩu khí đốt hóa lỏng tăng 42,5%; giá nhập khẩu xăng dầu các loại tăng 36,05% theo giá dầu thô thế giới; giá nhập khẩu sắt, thép tăng 17,93%; giá nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng 14,42%; giá nhập khẩu cao su nguyên liệu tăng 13,24% so với cùng kỳ năm trước; dầu mỡ động thực vật tăng 6,58%... Ở chiều ngược lại, có 6 nhóm hàng có chỉ số giá nhập khẩu 9 tháng năm 2021 giảm so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá nhập khẩu ô tô nguyên chiếc các loại giảm 2,06%; giá nhập khẩu linh kiện, phụ tùng ô tô giảm 1,87%... Nhóm bánh kẹo và sản phẩm từ ngũ cốc có chỉ số giá không biến động so với cùng kỳ năm trước.

3. Tỷ giá thương mại hàng hóa

Tỷ giá thương mại hàng hóa (TOT)⁽¹¹⁾ quý III/2021 giảm 2,95% so với quý trước và giảm 5,24% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2021, TOT giảm 3,75% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xăng dầu các loại giảm 16,9%; cao su giảm 5,93%; hàng rau quả giảm 2,65%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện giảm 1,25%; hàng thủy sản giảm 0,02%; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 7,19%; sắt, thép tăng 5,47%./.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

⁽¹¹⁾ Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa so với chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa.